CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Sao Thăng Long

Ngày 30/09/2025	9,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.2%	**8.4%**	**57.9%**

DT thuần
Q3/25
0
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.77| -100%

LN thuần
Q3/25
0.45
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.87| -66.0%
YoY: ▲ 1.83| 133%

LN sau thuế
Q3/25
1.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.09| -6.9%
YoY: ▲ 1.03| 514%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

ROE (TTM)
Q3/25
0.6%
YoY: +/-▲ 0.3%

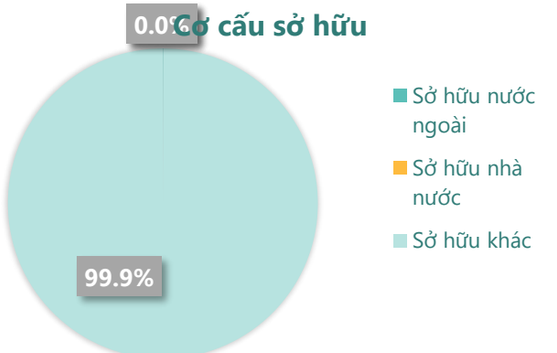
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,900 - 9,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	290
Số lượng CPLH (CP)	32,219,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	80,925
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.81
EPS	78
P/E	115.5

DT thuần
9T 2025
0
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.9| -100%

LN thuần
9T 2025
1.77
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.17| 227%

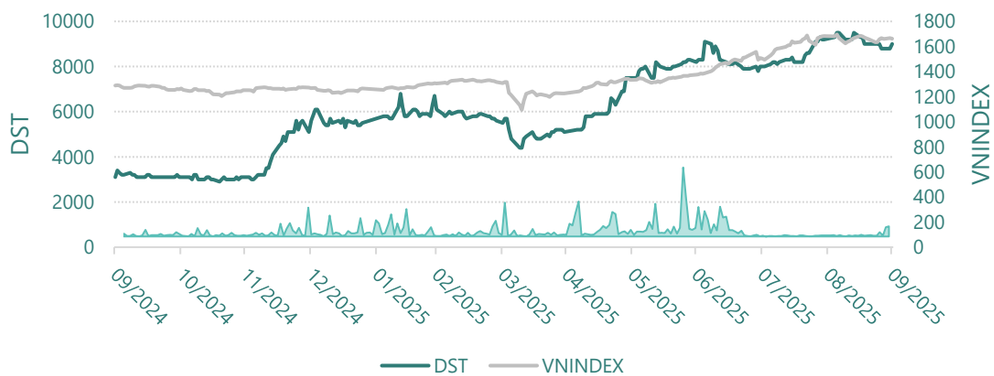
LN sau thuế
9T 2025
2.55
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.63| 32.7%

Cơ cấu sở hữu

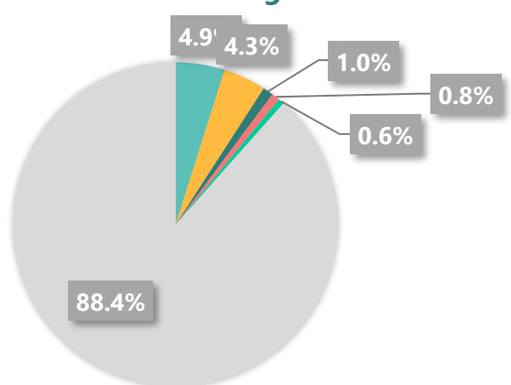


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



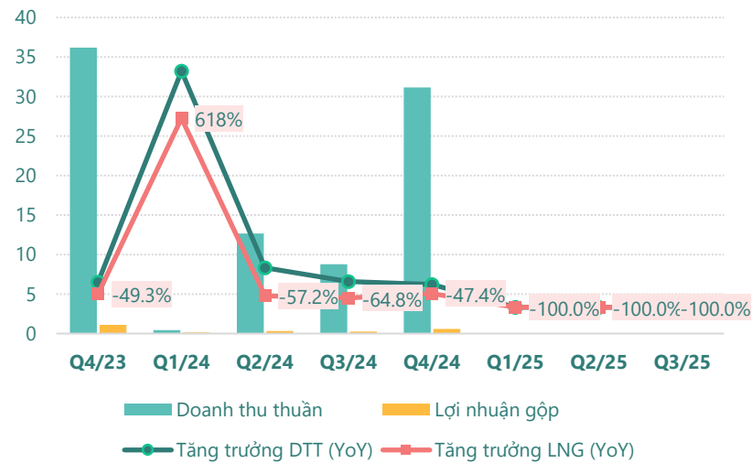
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

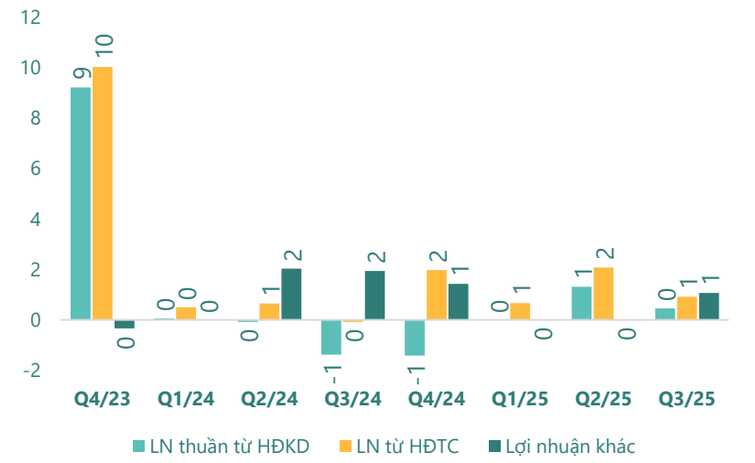
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



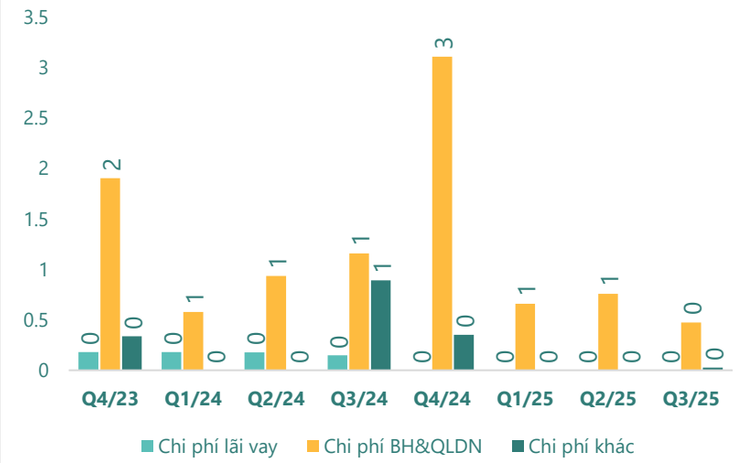
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



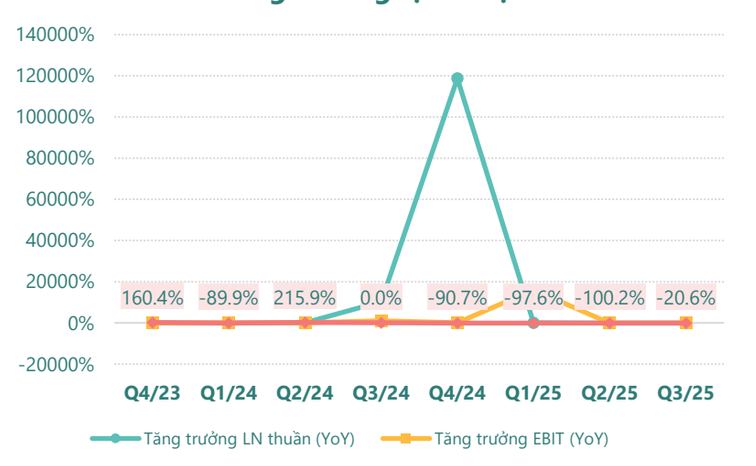
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



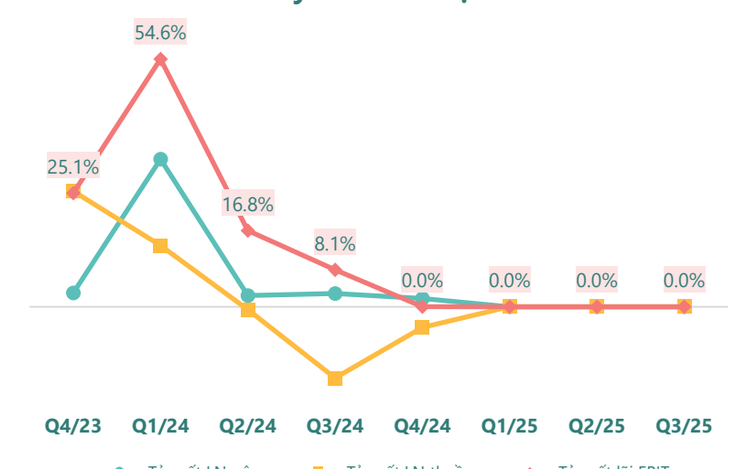
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



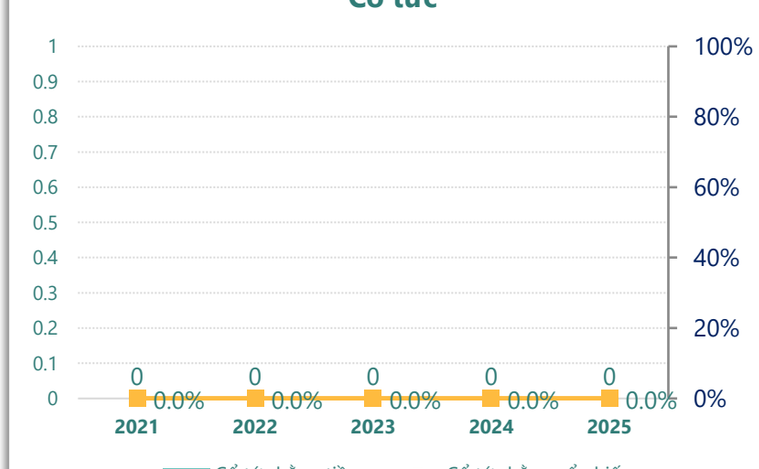
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



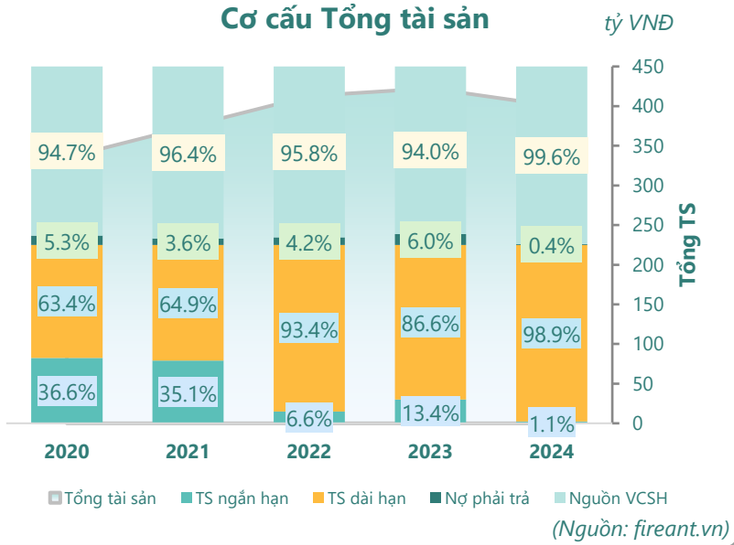
(Nguồn: fireant.vn)

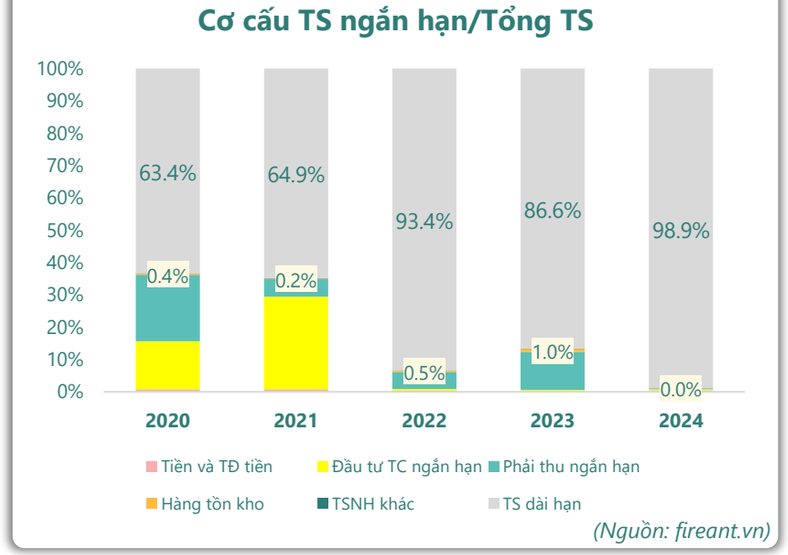
Cổ tức

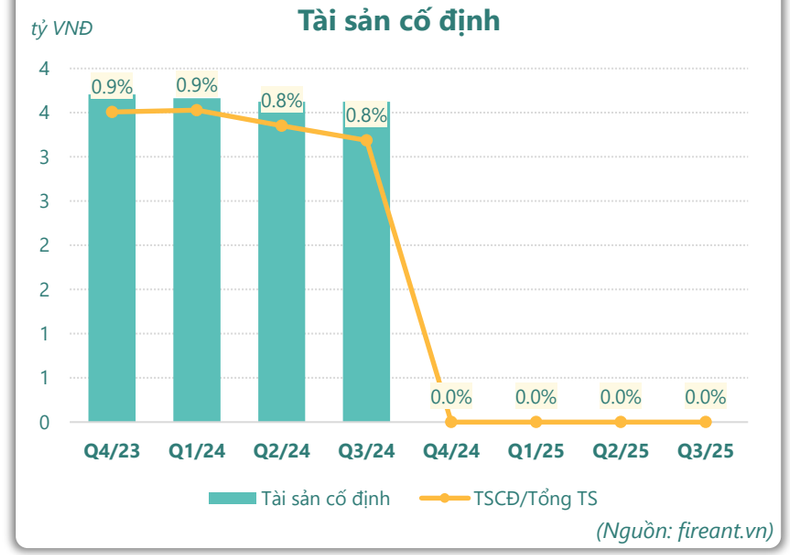


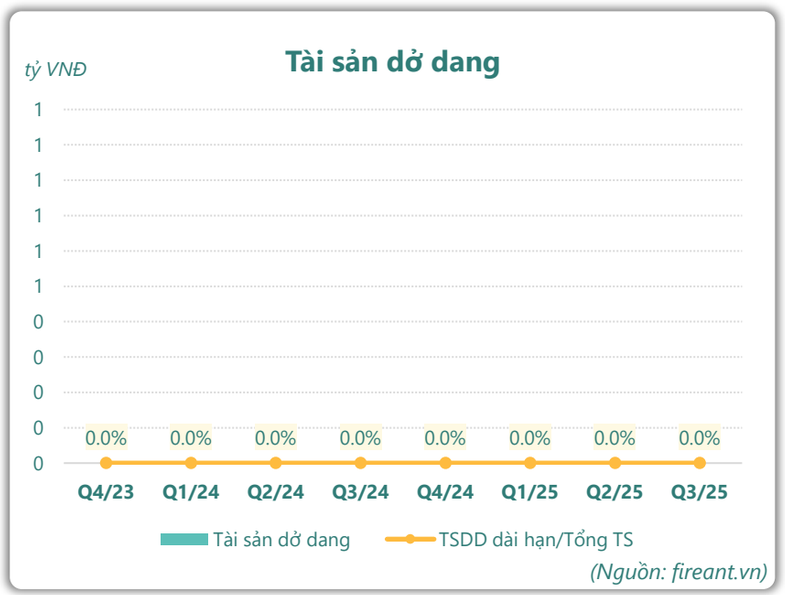
(Nguồn: fireant.vn)

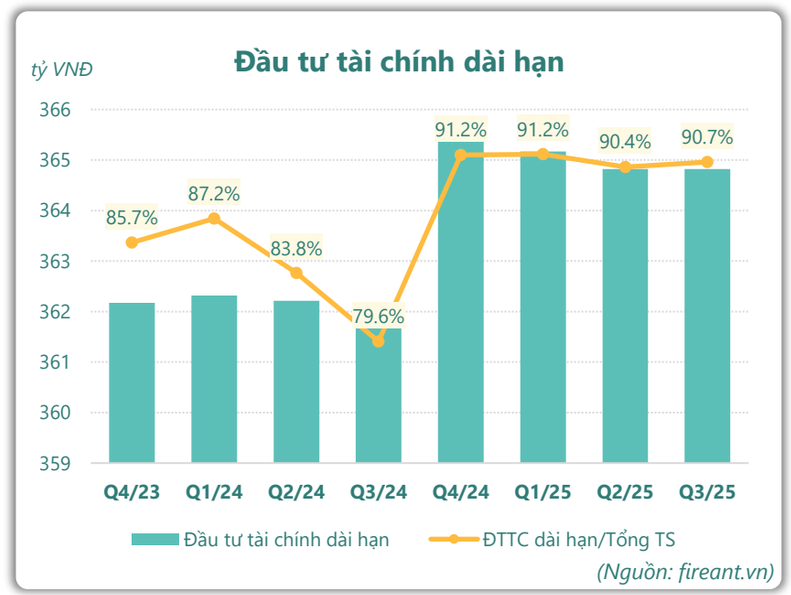
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

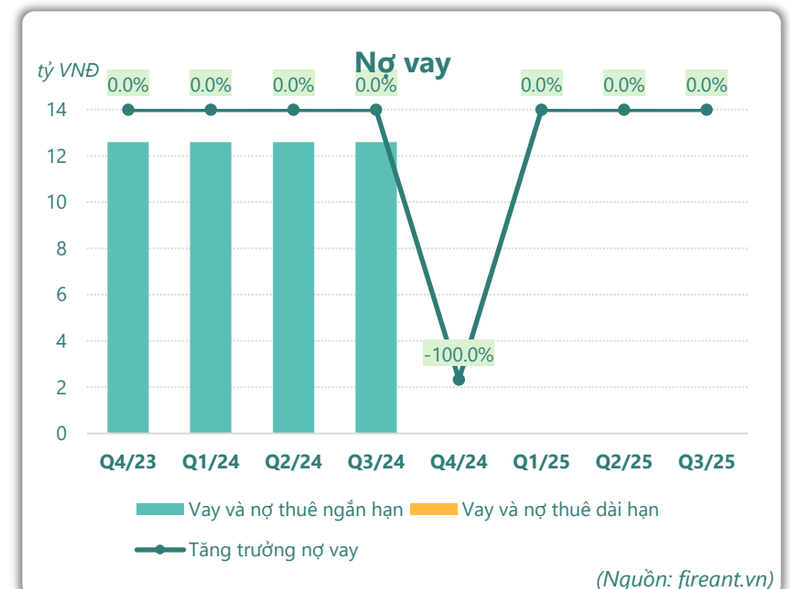






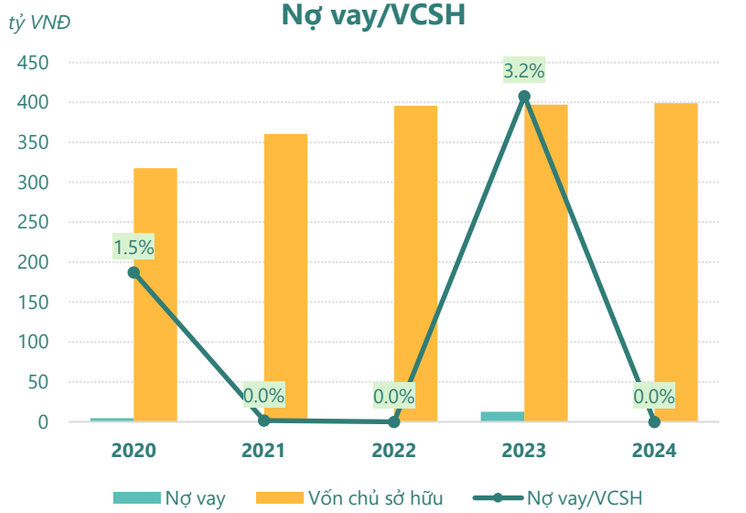






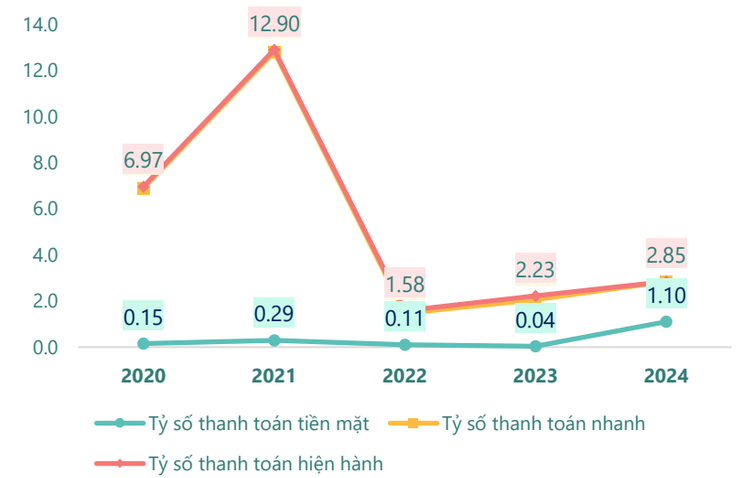
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



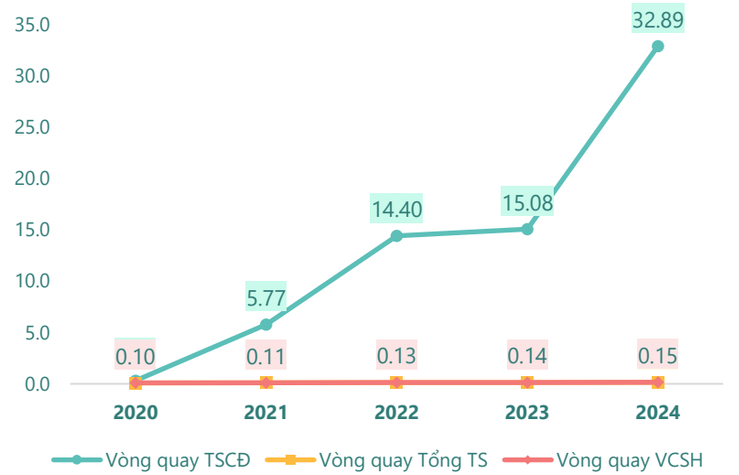
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



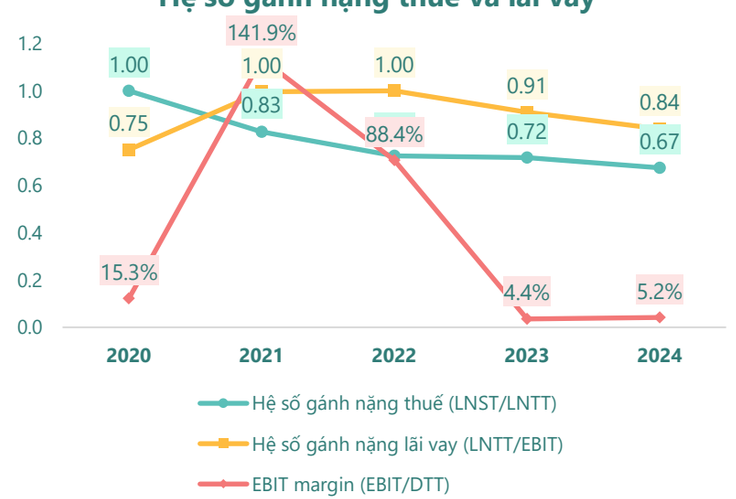
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



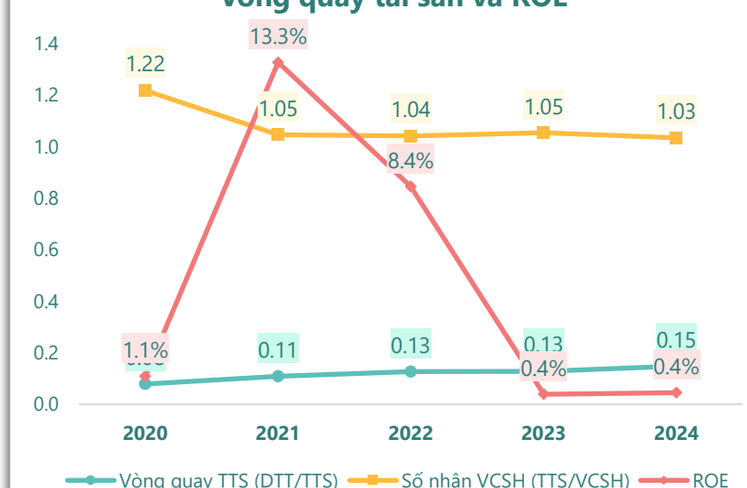
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



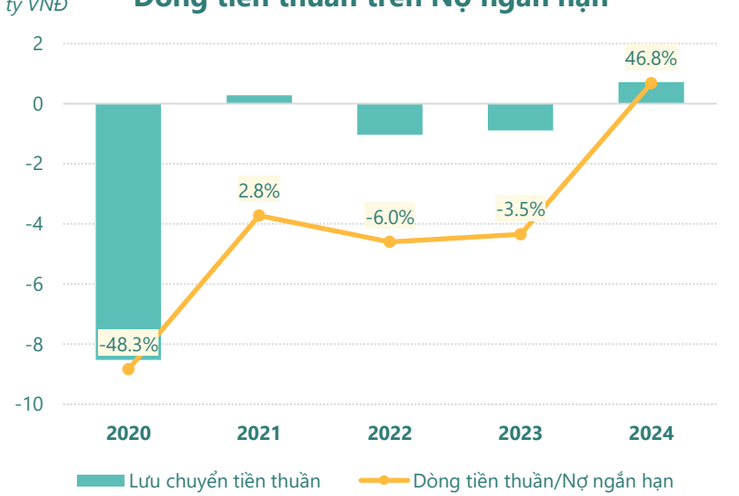
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**8.77**	**-100%**	**0**	**21.9**	**-100%**
Giá vốn hàng bán	0	8.52	-100%	0	21.1	-100%
Lợi nhuận gộp	0	0.26	-100%	0	0.71	-100%
Doanh thu HĐTC	0.95	0.06	1484%	4.19	1.51	178%
Chi phí TC	0.03	0.14	-81.3%	0.53	0.44	18.6%
Chi phí lãi vay	0	0.15	-100%	0	0.51	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-0.39**	**100%**	**0**	**-0.50**	**100%**
Chi phí bán hàng	0	0.18	-100%	0	0.32	-100%
Chi phí QLDN	**0.48**	**0.98**	**-51.5%**	**1.89**	**2.35**	**-19.3%**
LN thuần từ HĐKD	0.45	-1.38	133%	1.77	-1.40	227%
Lợi nhuận khác	**1.07**	**1.94**	**-44.7%**	**1.07**	**3.97**	**-73.0%**
LN trước thuế	1.52	0.57	167%	2.84	2.57	10.5%
Lợi nhuận sau thuế	**1.23**	**0.20**	**514%**	**2.55**	**1.92**	**32.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.23**	**0.20**	**514%**	**2.55**	**1.92**	**32.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.42	-0.26	40.2	-0.83	0.29	-1.05
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.70	-0.70	-26.0	0.82	2.87	-0.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-12.6	0	0	-0.47
Tiền đầu kỳ	0.40	1.51	0.55	1.69	1.67	4.84
Lưu chuyển tiền thuần	**1.12**	**-0.96**	**1.61**	**-0.01**	**3.16**	**-1.84**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.51	0.55	1.69	1.67	4.84	3.00

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**402**	**401**	**0.4%**
Tài sản ngắn hạn	6.25	4.35	43.6%
Tiền và tương đương tiền	3.00	1.69	77.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.55	1.73	-10.3%
Phải thu ngắn hạn	1.56	0.82	90.2%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.14	0.12	24.1%
Tài sản dài hạn	**396**	**396**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	31.0	31.0	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	365	365	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.02**	**-42.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.03	1.73	-40.4%
Nợ ngắn hạn	**1.03**	**1.53**	**-32.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.19	0.22	-16.3%
Nợ dài hạn	0	0.20	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**401**	**399**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**401**	**399**	**0.5%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)